

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 61/2016/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 18 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định mức trợ cấp, trợ giúp xã hội
đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 12/5/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 4 Điều 11 Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1573/TTr-LĐTBXH-BTXH ngày 19/9/2016 (có biên bản họp giữa Sở Tài chính và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Các chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng; trợ giúp xã hội đột xuất; hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng và chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội và nhà xã hội được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: Đối tượng được hưởng chính sách thường xuyên tại cộng đồng; trợ giúp xã hội đột xuất; hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng và chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội và nhà xã hội.

Điều 2. Mức trợ cấp cứu trợ đột xuất:

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức 18.000.000 đồng/hộ.

2. Hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở với mức 18.000.000 đồng/hộ.

3. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng (từ 50% trở lên) do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức 7.500.000 đồng/hộ.

Điều 3. Đối tượng bảo trợ xã hội đang nuôi dưỡng tại Trung tâm Nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội; đối tượng nhiễm HIV/AIDS đang nuôi dưỡng tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 26 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP còn được:

1. Trợ cấp để mua sắm vật dụng phục vụ cho sinh hoạt thường ngày, chăn, màn, chiếu, quần áo mùa hè, quần áo mùa đông, quần áo lót, khăn mặt, dày, dép, bàn chải đánh răng, thuốc chữa bệnh thông thường với mức 800.000 đồng/người/năm.

2. Đối với người nhiễm HIV/AIDS đang nuôi dưỡng tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội còn được hỗ trợ điều trị nhiễm trùng cơ hội với mức 250.000 đồng/người/năm.

3. Trợ cấp vệ sinh cá nhân hàng tháng đối với đối tượng nữ trong độ tuổi sinh đẻ, với mức 20.000 đồng/người/tháng.

4. Đối tượng đang nuôi dưỡng khi chết, Trung tâm tổ chức mai táng được hỗ trợ chi phí mai táng theo chi phí thực tế, nhưng tối đa không quá 8.000.000 đồng/người.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2016. Các nội dung khác không nêu trong quyết định này thực hiện theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ và các Thông tư liên tịch của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính: Số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 và số 06/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 12/5/2016.

Điều 5. Giao trách nhiệm Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Tài chính hướng dẫn và kiểm tra trong việc thực hiện.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Trà

